

DANH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH TÍN DỤNG CHÍNH THỨC ĐẾN THU NHẬP PHI NÔNG NGHIỆP CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH Ở NÔNG THÔN TỈNH TRÀ VINH

Nguyễn Thị Cẩm Loan¹, Bùi Văn Trinh², Huỳnh Thanh Nhã³

TÓM TẮT

Mục tiêu chính của nghiên cứu này là nhằm đánh giá tác động của chính sách tín dụng chính thức đến thu nhập phi nông nghiệp của các hộ gia đình ở nông thôn tỉnh Trà Vinh, qua đó để xuất một số khuyến nghị nhằm hỗ trợ các tổ chức tín dụng chính thức gia tăng khả năng cung cấp vốn tín dụng cho các hộ gia đình ở nông thôn tỉnh Trà Vinh và tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ gia đình ở nông thôn ngày càng dễ dàng hơn trong việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng chính thức. Các phân tích được thiết kế dựa trên một cuộc khảo sát 323 hộ gia đình ở nông thôn tỉnh Trà Vinh vào năm 2018. Phương pháp được sử dụng trong nghiên cứu này là thống kê mô tả và phân tích điểm xu hướng (PSM). Kết quả ước lượng cho thấy chính sách tín dụng chính thức này tác động hiệu quả đến thu nhập phi nông nghiệp của hộ gia đình ở nông thôn tỉnh Trà Vinh; chính sách này đã làm tăng thu nhập trung bình/năm từ phi nông nghiệp của các hộ gia đình ở nông thôn tỉnh Trà Vinh từ 7.1% đến 22%. Như vậy, khi thu nhập phi nông nghiệp trung bình/năm của các hộ gia đình là 56 triệu 181 ngàn đồng thì những hộ gia đình ở nông thôn tỉnh Trà Vinh có tham gia chính sách tín dụng chính thức đã tăng thu nhập phi nông nghiệp trung bình/năm từ 3,988 triệu đồng đến 12,360 triệu đồng.

Từ khóa: *Chính sách tín dụng chính thức, danh giá tác động, thu nhập phi nông nghiệp.*

1. BÁT VẤN ĐỀ

Nguồn thu nhập từ phi nông nghiệp của các hộ gia đình ở nông thôn tăng lên không thể thiếu nguồn vốn chính thức để hỗ trợ cho các gia đình kinh doanh, buôn bán do hoạt động nông nghiệp yếu kém dẫn đến thu nhập thấp, người dân nông thôn phải đưa vào vốn tín dụng để cải thiện thu nhập bằng cách tham gia vào việc làm phi nông nghiệp (Nguyễn Bích Đào, 2008). Xét dưới hình thức chủ yếu của tín dụng là loại hình cho vay thì tín dụng chính thức (Tín dụng chính thức được cung cấp đến các hộ gia đình ở các vùng nông thôn thông qua hai ngân hàng nhà nước chính, đó là Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam (VBSP) và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (VBARD). Trong đó VBARD hoạt động như một ngân hàng thương mại.) từ ngân hàng có vai trò hết sức to lớn đối với sự phát triển nông nghiệp và kinh tế hộ ở nông thôn. Tín dụng tạo điều kiện phát triển ngành nghề truyền thống, ngành nghề mới, góp phần giải quyết việc làm cho người lao động trong nông thôn (Nguyễn Bích Đào, 2008). Tham gia tín dụng giúp cải thiện thu nhập bình quân đầu người hàng tháng của nông hộ

lên mức 9,5% và tỉ lệ lao động tham gia hoạt động phi nông nghiệp ở nông thôn Việt Nam tăng 18,5% (Đình Phi Hồ, 2015). Gần đây, hoạt động phi nông nghiệp ở nông thôn đã được chú ý nhiều hơn do lĩnh vực này được coi là có nhiều tiềm năng trong việc giảm đói nghèo, giảm bất bình đẳng, hấp thụ lực lượng lao động dư thừa ngày càng gia tăng ở nông thôn, giảm di cư nông thôn đến thành thị và đóng góp vào tăng trưởng thu nhập quốc gia (Lanjouw, 2001). Các bằng chứng kinh tế lương cũng đã cho thấy rằng việc tham gia vào hoạt động kinh tế phi nông nghiệp là một yếu tố quan trọng giúp giảm nghèo và nâng cao mức sống của các hộ gia đình nông thôn ở Việt Nam (Pham & cộng sự, 2010; Ravallion & Van de Walle, 2008; Van de Walle & Cratty, 2004). Do vậy, khuyến khích sự phát triển các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp và hỗ trợ các hộ nghèo tham gia vào hoạt động kinh tế này được coi là những nhân tố cơ bản đóng góp cho công cuộc xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam (Pham & cộng sự, 2010; Van de Walle & Cratty, 2004). Do đó, tín dụng chính thức có tác động tích cực đến thu nhập của các hộ gia đình ở nông thôn đã được nhiều tác giả nghiên cứu, tuy nhiên tác động của nó đến thu nhập phi nông nghiệp của các hộ gia đình ở nông thôn tại tỉnh Trà Vinh vẫn chưa được quan tâm. Xuất phát từ tình hình thực tế trên, đề tài *"Đánh giá tác động của chính sách tín dụng chính thức đến thu nhập phi nông nghiệp của các hộ gia*

¹ NCS Kinh tế Nông nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ

² Trường Đại học Cần Thơ

³ Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ

đình ở nông thôn tỉnh Trà Vinh" được chọn để nghiên cứu.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thống kê mô tả và phương pháp phân tích điểm xu hướng - PSM (Rosenbaum và Rubin, 1983) được sử dụng trong bài viết này nhằm đánh giá tác động của chính sách tín dụng chính thức đến thu nhập phụ nông nghiệp của người lao động ở nông thôn tỉnh Trà Vinh từ cuộc điều tra trực tiếp 323 hộ gia đình ở nông thôn bằng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên vào năm 2018.

Phương pháp phân tích PSM được sử dụng nhằm so sánh giữa hai nhóm có tham gia chính sách tín dụng chính thức ở nông thôn tỉnh Trà Vinh và không tham gia chính sách tín dụng chính thức ở nông thôn tỉnh Trà Vinh. Nhóm đối chứng (được gọi là nhóm không tham gia chính sách tín dụng chính thức) có cùng điểm xu hướng (hay xác suất) với các nhóm xử lý (được gọi là nhóm tham gia chính sách tín dụng chính thức) sẽ so sánh với nhau để tìm tác động trung bình lên sai biệt giữa kết quả của hai nhóm.

Tóm tắt cách thực hiện bằng phương pháp PSM (Baker, 2000 và Ravallion, 2001).

Bước 1: Tiến hành điều tra chọn mẫu hai nhóm gồm những hộ tham gia vào chính sách tín dụng chính thức và nhóm hộ không tham gia vào chính sách tín dụng chính thức tại cùng địa bàn nông thôn tỉnh Trà Vinh với quy mô 323 phiếu khảo sát vào cùng thời điểm tháng 3 năm 2018.

Lưu ý: trong nghiên cứu này, nhóm tham gia chính sách tín dụng chính thức là những hộ chỉ có tham gia vào chính sách tín dụng chính thức ở nông thôn mà không tham gia vào bất kỳ chính sách nào khác.

Bước 2: Từ số liệu của cuộc điều tra, xây dựng mô hình Probit trong đó biến phụ thuộc có giá trị bằng 0 ứng với người không tham gia và là 1 ứng với người tham gia, còn biến độc lập là những nhân tố có

thể ảnh hưởng đến khả năng tham gia vào chính sách của cả hai nhóm.

Bước 3: Tiến hành hồi qui cho mô hình Probit rồi tính giá trị dự đoán (xác suất) cho từng cá thể trong 2 nhóm. Giá trị xác suất dự đoán sẽ nằm trong khoảng 0-1.

Bước 4: Loại bỏ những cá thể có xác suất dự đoán quá cao hoặc quá thấp so với cả mẫu.

Bước 5: Tương ứng mỗi cá thể trong nhóm người tham gia, tìm một số cá thể trong nhóm người không tham gia mà có xác suất dự đoán gần giống nhau nhất rồi so sánh với nhau. Chẳng hạn, so sánh thu nhập của cá thể trong nhóm người tham gia với thu nhập bình quân của các cá thể trong nhóm người không tham gia mà có xác suất gần giống nhau nhất.

Bước 6: Cuối cùng tính giá trị trung bình chung bằng các phương pháp so sánh cân gần nhất; phương pháp so sánh trong phạm vi hay bán kính; phương pháp so sánh phân tầng hay từng khoảng và phương pháp so sánh hạt nhân. Giá trị này là tác động của chính sách tín dụng chính thức đến thu nhập phụ nông nghiệp của các hộ gia đình ở nông thôn tỉnh Trà Vinh.

2.2. Mô hình phân tích

Nếu các giả định trên được thỏa mãn, khi đó tác động trung bình đối với những người tham gia chính sách có thể ước lượng được bằng PSM như sau:

$$TOT_{PSM} = \frac{1}{N} \left| \sum_{i \in T} Y_i^1 - \sum_{i \in C} \omega(i; j) Y_i^0 \right|$$

Nguồn: Lê Việt Phú (2015)

TOT_{PSM} là sai lệch trung bình giữa nhóm xử lý và nhóm đối chứng với trọng số $\omega(i; j)$ được tính bằng các phương pháp so sánh khác nhau như phương pháp so sánh cân gần nhất (nearest-neighbor matching); phương pháp so sánh trong phạm vi hay bán kính (caliper or radius matching); phương pháp so sánh phân tầng hay từng khoảng (stratification or interval matching) và phương pháp so sánh hạt nhân (kernel and Local linear matching).

2.2.1. Ý nghĩa của các biến kỳ vọng về dấu các hệ số β_j

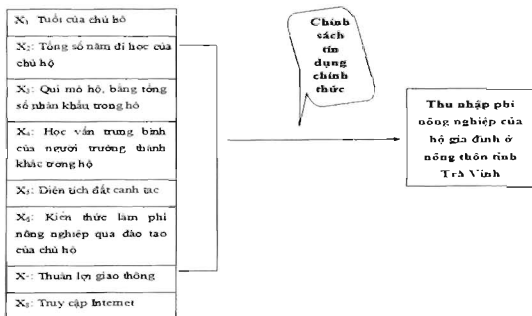
Bảng 1. Ý nghĩa của các biến và kỳ vọng về dấu các hệ số β_j

Ký hiệu	Định nghĩa, đơn vị tính	Nghiên cứu có liên quan	Dấu kỳ vọng β_j
Biến phụ thuộc			
Ln (thunhạp PNN)	Ln (tổng thu nhập phi nông nghiệp)		

Biến can thiệp			
TGTD	Tham gia chính sách tín dụng chính thức, là biến giả. Nhận giá trị =1 nếu hộ gia đình có tham gia vay vốn tín dụng chính thức; =0 nếu hộ không tham gia vay vốn tín dụng chính thức.	Atieno (1997), Barslund & Tarp (2008), Morduch & Haley (2001)	
Biến độc lập			
X_1	Tuổi của chủ hộ, đvt: tuổi.	Quach (2005), Nguyen (2008)	
X_2	Tổng số năm đi học của chủ hộ; đvt: năm.	Mincer (1974), Pham (2013)	+
X_3	Qui mô hộ, bằng tổng số nhân khẩu trong hộ, đvt: người.	Karttunen (2009), Đinh Phi Hổ và Hoàng Thị Thu Huyền (2010)	
X_4	Học vấn trung bình của người trưởng thành trong hộ, đvt: năm.	Đinh Phi Hổ (2015); Mincer (1993)	+
X_5	Diện tích đất canh tác, đvt: công hoặc 1.000m ² .	Đinh Phi Hổ và Hoàng Thị Thu Huyền (2010)	
X_6	Kiến thức làm phi nông nghiệp qua đào tạo của chủ hộ, là biến giả. Nhận giá trị =1 nếu hộ có kiến thức làm phi nông nghiệp đã qua đào tạo, =0: là khác.	Mincer (1993)	
X_7	Thuận lợi giao thông, là biến giả; Nhận giá trị = 1 là những hộ có đường nhựa/hoặc đường bê tông, = 0: không có.	Nguyễn (2008)	+
X_8	Truy cập Internet, là biến giả; Nhận giá trị= 1: là những hộ có truy cập Internet. = 0: không.	Mishra, A., and R. Williams (2006)	+

Nguồn: Tổng hợp từ các nghiên cứu có liên quan nông nghiệp của các hộ gia đình ở nông thôn tỉnh Trà Vinh

2.2.2. Mô hình nghiên cứu đánh giá tác động của chính sách tín dụng chính thức đến thu nhập phi



Hình 1. Mô hình nghiên cứu

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thông tin chung về các hộ gia đình ở nông thôn tỉnh Trà Vinh

Kết quả ở bảng 2 cho thấy tổng hộ khảo sát là 323 hộ, độ tuổi trung bình của chủ hộ là 47 tuổi, chủ hộ có tuổi nhỏ nhất là 20 tuổi và lớn nhất là 70 tuổi. Học vấn trung bình của chủ hộ là lớp 7; chủ hộ có trình độ học vấn nhỏ nhất là 0, lớn nhất là trình độ thạc sĩ (lớp 16). Quy mô hộ (số lượng thành viên) trung bình trong gia đình là 4 người, số lượng thấp nhất là 1 người và có hộ đạt cao nhất là 9 người. Học vấn trung bình của những người trưởng thành khác trong hộ là lớp 7 và cao nhất là đại học; mỗi hộ trung

binh có 6 công đất (6.000 m²/hộ), có hộ đạt đến mức cao nhất là 50 công đất (50.000 m²); tuy nhiên vẫn còn vài hộ gia đình không có đất (theo mẫu điều tra còn 6 hộ không có đất). Chủ hộ có kinh nghiệm làm ngành nghề phi nông nghiệp qua đào tạo chỉ chiếm 0,096 tức 9,6%. Tỷ lệ hộ gia đình có đường giao thông thuận lợi chiếm 0,688 tức 68,8%. Tỷ lệ hộ gia đình ở nông thôn Trà Vinh có truy cập Internet là 0,142 chiếm 14,2%. Tổng thu nhập trung bình từ phi nông nghiệp cao nhất của hộ là 300 triệu đồng/năm nhưng thu nhập phi nông nghiệp trung bình của các nông hộ tỉnh Trà Vinh còn thấp, chỉ đạt 56,181 triệu đồng/năm với 283 hộ có thu nhập phi nông nghiệp.

Bảng 2. Thống kê mô tả dữ liệu có liên quan

STT	Các biến	N	Nhỏ nhất	Lớn nhất	Trung bình	Độ lệch chuẩn
1	Tuổi của chủ hộ (tuổi)	323	20	70	47	11,000
2	Số năm học của chủ hộ (năm)	323	0	16	7	3,719
3	Quy mô hộ (người)	323	1	9	4	1,199
4	Học vấn trung bình của những người trưởng thành khác trong hộ (năm)	323	0	16	7	3,491
5	Diện tích đất của hộ (công hoặc 1.000 m ²)	323	0	50	6	7,900
6	Kiến thức làm PNN qua đào tạo của chủ hộ	323	0	1	0,096	0,295
7	Thuận lợi giao thông	323	0	1	0,688	0,464
8	Truy cập Internet	323	0	1	0,142	0,350
9	Tổng thu nhập phi nông nghiệp (triệu đồng)	283	0	300	56,181	48,127

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát, năm 2018

3.2. Sự tham gia và không tham gia tin dụng chính thức của các nông hộ

Bảng 3. Số hộ tham gia và không tham gia chính sách tin dụng chính thức tại nông thôn tỉnh Trà Vinh

Tham gia/không tham gia	Tham gia chính sách tin dụng chính thức trước khi đưa vào mô hình PSM		Tham gia chính sách tin dụng chính thức sau khi đưa vào mô hình PSM	
	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)
1. Tham gia chính sách tin dụng chính thức	95	29,4	95	42
2. Không tham gia chính sách tin dụng chính thức	228	70,6	226	58
Tổng	323	100,0	321	100

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát, năm 2018

Theo bảng 3 ta có: Với 323 hộ tham gia khảo sát thì có 95 hộ tham gia chính sách tin dụng chính thức và 228 hộ không tham gia chính sách tin dụng chính

thức. Kết quả chạy mô hình PSM thu được là các hộ gia đình ở nông thôn tỉnh Trà Vinh tham gia chính sách được điều chỉnh ở mức độ hợp lý; tổng số hộ

được điều chỉnh là 321, trong đó có 95 hộ tham gia chính sách tín dụng chính thức ở nông thôn tỉnh Trà Vinh, chiếm 42% và 226 hộ không tham gia chính sách tín dụng chính thức ở nông thôn tỉnh Trà Vinh, chiếm 68,6%.

Bảng 4. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia chính sách tín dụng chính thức của các hộ gia đình ở nông thôn tỉnh Trà Vinh

Biến độc lập	Coef.	P> z	Dy/dx (%)	P> z
X ₁ : Tuổi	0,014	0,065*	0,48	0,065*
X ₂ : Số năm học của chủ hộ (<i>năm</i>)	0,009	0,743	0,29	0,743
X ₃ : Quy mô hộ (<i>người</i>)	0,068	0,288	2,31	0,288
X ₄ : Học vấn trung bình của những người trưởng thành khác trong hộ (<i>năm</i>)	-0,003	0,918	-0,09	0,918
X ₅ : Diện tích đất của hộ (<i>công hoặc 1.000 m²</i>)	0,000	0,068*	0,00064	0,068*
X ₆ : Kiến thức làm phi nông nghiệp qua đào tạo của chủ hộ	0,527	0,047	19,58	0,059*
X ₇ : Thuận lợi giao thông	0,318	0,057*	10,43	0,047**
X ₈ : Truy cập Internet	-0,202	0,408	-6,59	0,385
Cons	-1,649	0,001		
N				323
Độ chính xác của mô hình				70,9
Log likelihood				-187,10
Pseudo R2				0,0438

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát, năm 2018

*Ghi chú: **p<5%; *p<10%*

Bảng 4 cho thấy mô hình có độ chính xác là 70,9%; Log likelihood = - 187,1; Pseudo R2 = 0,0438 với 2 mức ý nghĩa từ 5% và 10%. Số liệu được xử lý bằng phần mềm Stata.

Với 8 biến độc lập đưa vào mô hình đó là tuổi; số năm học của chủ hộ; quy mô hộ; học vấn trung bình của những người trưởng thành khác trong hộ; diện tích đất của hộ; kiến thức làm phi nông nghiệp qua đào tạo; thuận lợi giao thông; truy cập Internet ta có 4 biến có ý nghĩa thống kê đó là: tuổi, diện tích đất của hộ; kiến thức làm phi nông nghiệp qua đào tạo; thuận lợi giao thông có ảnh hưởng đồng biến đến sự tham gia vào chính sách tín dụng của các hộ gia đình ở nông thôn tỉnh Trà Vinh cụ thể như sau:

- Tuổi có ảnh hưởng đồng biến đến sự tham gia chính sách tín dụng chính thức. Chủ hộ có độ tuổi càng cao thì tham gia vào chính sách càng nhiều với

mức ý nghĩa 10%. Khi tuổi của chủ hộ tăng lên 1 tuổi thì khả năng tham gia vào chính sách tăng 0,48%.

- Diện tích đất có ảnh hưởng đồng biến với sự tham gia vào chính sách tín dụng chính thức ở nông thôn với mức ý nghĩa 10%, nếu hộ có diện tích đất sản xuất tăng lên 1 công hay 1.000 m² thì khả năng tiếp cận được chính sách tín dụng chính thức tăng 0,00064% (*con số này tăng rất thấp*).

- Kiến thức làm phi nông nghiệp qua đào tạo của chủ hộ có ảnh hưởng đồng biến đến sự tham gia vào chính sách tín dụng chính thức ở nông thôn tỉnh Trà Vinh ở mức ý nghĩa 5%, điều này cũng cho thấy rằng, khi chủ hộ có kiến thức làm phi nông nghiệp qua đào tạo thì khả năng tham gia vào chính sách tín dụng chính thức tăng 19,58%.

- Thuận lợi giao thông có ảnh hưởng đồng biến đến việc tham gia vào chính sách tín dụng chính thức

của các hộ gia đình ở nông thôn tỉnh Trà Vinh ở mức ý nghĩa 5%, khi hộ được thuận lợi giao thông thì khả năng tham gia vào chính sách tín dụng chính thức tăng 10,43%.

3.3. Tính toán hiệu quả can thiệp của mô hình

Tiếp theo những nội dung được trình bày ở phần trên, hiệu quả can thiệp của mô hình được trình bày bảng 5.

Bảng 5. Hiệu quả can thiệp bình quân

Phương pháp	n (số hộ tham gia chính sách)	n (số hộ không tham gia chính sách)	ATT
So sánh bán kính (<i>attr</i>)	9	194	7,1%
Hạt nhân (<i>attk</i>)	95	226	8,1%

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát, năm 2018

Bảng 5 cho thấy tác động của chính sách tín dụng chính thức đến thu nhập phi nông nghiệp của hộ gia đình ở nông thôn tỉnh Trà Vinh theo 2 phương pháp so sánh bán kính và so sánh hạt nhân thì hiệu quả của sự can thiệp vào chính sách tín dụng chính thức đến thu nhập phi nông nghiệp của nông hộ tại Trà Vinh dao động ở nhiều mức khác nhau. Kết quả này cho thấy rằng khi tham gia chính sách tín dụng chính thức, các hộ gia đình ở nông thôn tỉnh Trà Vinh đã tăng thu nhập phi nông nghiệp trung bình từ 7,1% đến 8,1% so với hộ không tham gia chính sách tín dụng chính thức. Cụ thể, theo phương pháp so sánh bán kính (*attr*) thu nhập phi nông nghiệp của hộ tăng trung bình là 7,1% và theo phương pháp hạt nhân (*attk*) thì thu nhập phi nông nghiệp của các hộ gia đình ở nông thôn tỉnh Trà Vinh tăng trung bình là 8,1%.

3.4. Kiểm tra độ tin cậy của mô hình

Bảng 6. Kiểm tra độ tin cậy của hiệu quả can thiệp bình quân

Ln(TTN)	Coef.	P> z
SATT	0,22	0,064

Nguồn: Xử lý từ kết quả khảo sát, năm 2018

Ghi chú: Ln(TTN): ln tổng thu nhập

Theo bảng 6, khi kiểm tra tác động của chính sách tín dụng chính thức đến thu nhập của hộ gia

đình ở nông thôn tỉnh Trà Vinh với 8 biến đưa vào mô hình dưới tác động của chính sách tín dụng chính thức theo phương pháp kiểm tra độ tin cậy của hiệu quả can thiệp bình quân cho thấy mô hình trên có giá trị $P>|z|=0,064$ thỏa mức ý nghĩa 10% với 323 hộ quan sát. Tác động của chính sách tín dụng chính thức làm tăng thu nhập là 22% của các hộ gia đình ở nông thôn tỉnh Trà Vinh khi các hộ gia đình ở nông thôn tỉnh Trà Vinh tham gia vào chính sách tín dụng chính thức với mức ý nghĩa 10%.

3.5. Đánh giá tác động của chính sách tín dụng chính thức đến thu nhập phi nông nghiệp của hộ gia đình ở nông thôn tỉnh Trà Vinh

Chính sách tín dụng chính thức có tác động đến sự tham gia vào việc làm phi nông nghiệp ở nông thôn tỉnh Trà Vinh. Chính sách này có khả năng làm tăng sự tham gia của người lao động vào việc làm phi nông nghiệp ở nông thôn tỉnh Trà Vinh. Khi tham gia vào chính sách tín dụng chính thức ở nông thôn tỉnh Trà Vinh, thu nhập phi nông nghiệp của hộ gia đình tăng khoảng 7,1% - 22%.

Chính vì vậy, với thu nhập phi nông nghiệp trung bình của hộ gia đình là 56,181 triệu đồng/năm thì mỗi hộ gia đình ở nông thôn tỉnh Trà Vinh khi tham gia vào chính sách tín dụng chính thức sẽ có thu nhập phi nông nghiệp tăng thêm trung bình hàng năm từ 3,988 triệu đồng/năm đến 12,360 triệu đồng/năm.

4. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Chính sách tín dụng chính thức có tác động tích cực làm tăng thu nhập phi nông nghiệp cho các hộ gia đình ở nông thôn tỉnh Trà Vinh; tác động này sẽ góp phần ảnh hưởng tích cực đến khả năng kích thích các hộ gia đình ở nông thôn tham gia vào hoạt động phi nông nghiệp.

Do đó, để góp phần hỗ trợ các tổ chức tín dụng chính thức gia tăng khả năng cung cấp vốn tín dụng cho các hộ gia đình ở nông thôn tỉnh Trà Vinh và tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ gia đình ở nông thôn ngày càng dễ dàng hơn trong việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng chính thức để tài này có một số khuyến nghị cụ thể như sau:

- Chính quyền địa phương cần quan tâm và tạo điều kiện thuận lợi cho chủ hộ có độ tuổi càng cao trong việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng chính thức ở nông thôn; chủ động mở các khóa đào tạo nghề phi nông nghiệp ngắn hạn hoặc dài hạn cho các hộ gia

đình ở nông thôn. Bên cạnh đó, chính quyền địa phương cần xây dựng nhiều công trình đường giao thông nông thôn bằng cách trực tiếp đầu tư xây dựng hoặc kêu gọi nhân dân cùng tham gia vào những công trình giao thông ở nông thôn.

- Chính quyền địa phương có những chính sách tạo thuận lợi cho các hộ gia đình ở nông thôn Trà Vinh dễ dàng tiếp cận vốn tín dụng chính thức từ các tổ chức tín dụng như ưu đãi lãi suất, kéo dài thời hạn cho vay, nâng cao nguồn vốn vay cho các hộ gia đình có khả năng tham gia vào lĩnh vực phi nông nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Atieno, R. (1997). Determinants of credit demand by smallholder farmers in Kenya: An empirical analysis. *Der Tropenlandwirt*, 98, 63-71.
- Barslund, M., & Tarp, F. (2008). Formal and informal rural credit in four provinces of Vietnam. *Journal of Development Studies*, 44, 485-503.
- Đình Phi Hồ & Đông Đức (2015). Tác động tín dụng chính thức đến thu nhập của nông hộ ở Việt Nam. *Tạp chí Phát triển Kinh tế*, 26(2), 65-82.
- Đình Phi Hồ và Hoàng Thị Thu Huyền (2010). Một số giải pháp nhằm nâng cao thu nhập của nông hộ vùng trung du ở tỉnh Phú Thọ. *Tạp chí Phát triển Kinh tế* số 236.
- Karttunen, K. A. (2009). Rural income generation and diversification: A case study in eastern Zambia. Finland: Rural Development Consultant.
- Lanjouw, J. O. and Lanjouw, P. (2001). The Rural Non-farm Sector: Issues and Evidence from Developing Countries. *Agricultural Economics* 26(1): 1-23.
- Le Trung Hieu and Pham Tien Thanh (2017). Formal Credit and its Impact on Income - Evidence from the Poor Households in Vietnam. *American Journal of Applied Sciences*, 14 (7): 718-725.
- Lê Việt Phú (2016). Đánh giá tác động chính sách - Phương pháp PSM - Kinh tế lượng ứng dụng. Chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright.
- Long Beach, CA. Available at <http://ageconsearch.umn.edu> (accessed January 2010).

10. Morduch, J., & Haley, B. (2001). Analysis of the effects of microfinance on poverty reduction (NYU Wagner Working Paper).

11. Mishra, A., and R. Williams. 2006. Internet Access and Use by Farm Households. Paper presented at the American Agricultural Economics Association's annual meetings [https://www.researchgate.net/publication/23506388_Internet_Access_and_Use_by_Farm_Households] [ngày cập nhật 22/7/2018]

12. Mincer, J. A. (1974). *Schooling, experience, and earnings*. Cambridge, MA: National Bureau of Economic Research, Inc.

13. Nguyễn Bích Đào (2008). Vai trò của tín dụng đối với sự phát triển kinh tế nông thôn. *Tạp chí Công thương*, số tháng 7 năm 2008 trang 30 – 32.

14. Nguyen, V. C. (2008). Is a governmental microcredit program for the poor really pro-poor? Evidence from Vietnam. *The Developing Economies*, 46, 151-187.

15. Pham, T. H., Bui, A. T., & Dao, L. T. (2010). Is nonfarm diversification a way out of poverty for rural households? Evidence from Vietnam in 1993-2006 (PMMA Working Paper 2010-17).

16. Paul R. Rosenbaum, Donald B. Rubin (1983). The central Role of the Propensity Score in Observational Studies for Causal Effects. *Biometrika*. Volume 70, Issue 1, 41-55.

17. Pham, B. D. (2013). Reviewing the development of rural finance in Vietnam. *Journal of Economics and Development*, 15, 121-136.

18. Quach, M. H. (2005). Access to finance and poverty reduce: An application to rural Vietnam (luận án tiến sĩ, Đại học Birmingham, Anh).

19. Ravallion, M., & Van de Walle, D. (2008). Does rising landlessness signal success or failure for Vietnam's agrarian transition?. *Journal of Development Economics*, 87(2), 191-209.

20. Todaro, M. P., 1969. A model of Labour Migration and Urban Unemployment in Less Developed Countries. *American Economic Review* 59: 138 – 148.

21. Van de Walle, D., & Crary, D (2004). Is the emerging non-farm market economy the route out of poverty in Vietnam?. *Economics of Transition*, 12(2), 237-274.

EVALUATE THE IMPACT OF OFFICIAL CREDIT POLICY ON NON-FARM INCOME OF RURAL HOUSEHOLDS IN TRA VINH PROVINCE**Nguyen Thi Cam Loan, Bui Van Trinh, Huynh Thanh Nha****Summary**

The main objective of this paper is to assess the impact of official credit policy on non-farm income of rural households in Tra Vinh province, thereby, some recommendations are proposed to support the official credit institutions to increase their ability to provide credits to rural households in Tra Vinh and facilitate rural households with more access to official credits. The analysis is based on a survey of 323 rural households in Tra Vinh province in 2018. The method used in this study is descriptive statistics and propensity score matching (PSM). Estimated results suggested that this official credit policy has a positive effect on the non-farm income of rural households in Tra Vinh; and that it has increased the average annual income from non-farm households in rural Tra Vinh province from 7.1% to 22%. Thus, while the average non-farm household income per year is 56,181,000dong, households in rural Tra Vinh province who participate in official credit policy have increased their average non-farm annual income from 3,988,000 dong to 12,360,000 dong.

Keywords: Evaluate the impact, on non-farm income, official credit policy.

Người phản biện: TS. Dương Ngọc Thi

Ngày nhận bài: 13/12/2018

Ngày thông qua phản biện: 14/01/2019

Ngày duyệt đăng: 21/01/2019